

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi,
bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;*

*Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của
Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính
sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1028/TTr-SNV ngày
25 tháng 6 năm 2026.*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt
động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động
của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm
2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Thanh Hóa;
- Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo, Website tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Hùng

QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 54 /2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;
- b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;
- c) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn, xóm, làng, bản... (gọi chung là thôn); tổ dân phố, khu phố, khối phố, tiểu khu... (gọi chung là tổ dân phố).

2. Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực thuộc phạm vi một đơn vị hành chính cấp xã (xã, phường); là nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tổ chức để Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ do cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã giao.

3. Thôn, tổ dân phố được tổ chức tại cấp xã. Thôn được tổ chức ở xã; tổ dân phố được tổ chức ở phường.

4. Trường hợp cần thiết do đặc điểm lịch sử, văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán, mức độ đô thị hóa hoặc yêu cầu quản lý thực tế của địa phương thì Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định việc tổ chức và sử dụng tên gọi thôn, xóm, làng, bản, tổ dân phố, khu phố, khối phố, tiểu khu hoặc tên gọi cộng đồng dân cư khác phù hợp với thực tiễn địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Tổ chức của thôn, tổ dân phố phải bảo đảm tinh gọn, hiệu quả; phù hợp với quy mô dân cư, đặc điểm địa bàn và yêu cầu quản lý của chính quyền địa phương cấp xã.
2. Bảo đảm và đề cao tính tự quản của cộng đồng dân cư; phát huy quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân trong tổ chức đời sống cộng đồng, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của địa phương.
3. Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; phân định rõ nhiệm vụ tự quản của cộng đồng dân cư với nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước của chính quyền địa phương cấp xã.
4. Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức tự quản trên địa bàn; phát huy vai trò của Nhân dân trong bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa và phát triển cộng đồng dân cư.
5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư, tạo thuận lợi cho Nhân dân trong tiếp cận thông tin, tham gia các hoạt động cộng đồng và phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã trong các hoạt động tại địa bàn.

Chương II

TỔ CHỨC CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Thôn có Trưởng thôn; tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố là người hoạt động không chuyên trách.
2. Thôn có Phó trưởng thôn, tổ dân phố có Tổ phó tổ dân phố là người hỗ trợ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Số lượng Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 5. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 05 năm. Đối với các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh (bao gồm cả thôn, tổ dân phố không thực hiện sắp xếp và thôn, tổ dân phố mới hình thành sau sắp xếp), nhiệm kỳ của

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến ngày 01 tháng 9 năm 2030.

Trong trường hợp cần bảo đảm thống nhất với thời điểm tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc do tình huống bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức bầu cử đúng thời hạn, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nhưng không quá 06 tháng. Trường hợp phải rút ngắn hoặc kéo dài quá 06 tháng thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Nhiệm kỳ của Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 6. Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố:

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ, cụ thể:

a) Là công dân Việt Nam cư trú thường xuyên tại địa bàn xã, phường từ 21 tuổi trở lên, ưu tiên người trong độ tuổi lao động theo quy định; có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ và chức trách được giao;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu; có uy tín trong cộng đồng dân cư; được Nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu về đạo đức, lối sống, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

c) Có kiến thức văn hóa, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ do cấp ủy, chính quyền cấp xã giao; khuyến khích lựa chọn người có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu hoạt động của thôn, tổ dân phố;

d) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; có khả năng lập kế hoạch, tổng hợp, thống kê, báo cáo và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

đ) Không trong thời gian bị xử lý kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành bản án, quyết định của Tòa án.

2. Tiêu chuẩn của Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ, cụ thể:

1. Công tác chuẩn bị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

Ban hành quyết định tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã

xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch chậm nhất 20 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

Ban hành quyết định thành lập Tổ bầu cử chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã. Tổ bầu cử gồm: Đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố làm Tổ trưởng; thành viên là đại diện các tổ chức chính trị - xã hội và đại diện hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố (không phải là người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố);

Các quyết định phải được thông báo đến Nhân dân ở thôn, tổ dân phố, niêm yết tại nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng của thôn, tổ dân phố và thông báo trên hệ thống truyền thanh hoặc bằng hình thức khác phù hợp chậm nhất 07 ngày trước ngày bầu cử;

b) Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố tổ chức cuộc họp Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; báo cáo cấp ủy chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất giới thiệu ít nhất 01 người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; tổ chức cuộc họp Ban công tác Mặt trận sau khi có ý kiến của chi ủy chi bộ thôn, tổ dân phố để quyết định danh sách chính thức những người ứng cử (ít nhất 01 người). Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi Ủy ban nhân dân cấp xã chậm nhất 15 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư.

2. Triệu tập và chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư:

a) Tổ bầu cử (do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập) triệu tập và chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

b) Thành phần tham dự cuộc họp gồm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố, đại diện các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố;

c) Thông tin về cuộc họp của cộng đồng dân cư (theo mẫu số 01 kèm Quy chế này) phải được thông báo đến thành phần tham dự ít nhất 02 ngày trước khi tổ chức cuộc họp bằng một trong các hình thức sau: Giấy mời, thông báo trực tiếp đến từng hộ gia đình qua hệ thống truyền thanh của thôn, tổ dân phố, điện thoại, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật do thôn, tổ dân phố thống nhất thiết lập và được niêm yết công khai tại nhà văn hóa, các điểm sinh hoạt cộng đồng của thôn, tổ dân phố;

d) Tài liệu cuộc họp để cộng đồng dân cư bàn và quyết định phải được chuẩn bị đầy đủ trước khi tổ chức cuộc họp.

3. Trình tự tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư:

a) Người chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; thông qua chương trình cuộc họp; giới thiệu người đề cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký cuộc họp;

Thư ký cuộc họp được quyết định khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp giơ tay biểu quyết đồng ý. Căn cứ nội dung cuộc họp, người chủ trì hoặc người được phân công công bố các quyết định, văn bản liên quan theo chương trình cuộc họp;

b) Đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố do Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố đã thống nhất với cấp ủy chi bộ thôn, tổ dân phố và đề nghị đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp tự ứng cử hoặc đề cử người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện;

c) Người tham dự cuộc họp thảo luận về những nội dung được trình bày và giới thiệu danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố của đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố;

Kết thúc thảo luận, người chủ trì cuộc họp tổng hợp các ý kiến thảo luận, đề xuất những nội dung cần được biểu quyết và phương án biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín để người tham dự biểu quyết lựa chọn. Phương án được lựa chọn khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp giơ tay biểu quyết đồng ý;

d) Biểu quyết đối với những nội dung đã được thảo luận:

Đối với hình thức biểu quyết giơ tay, kết quả biểu quyết được kiểm đếm ngay tại thời điểm biểu quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp;

Đối với hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu kín, người chủ trì cuộc họp đề xuất số lượng và danh sách Ban kiểm phiếu từ 03 đến 05 người (gồm Trưởng ban và các thành viên). Ban kiểm phiếu được quyết định khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp giơ tay biểu quyết đồng ý;

Ban kiểm phiếu hướng dẫn thể lệ, cách ghi phiếu, bỏ phiếu và tiến hành phát phiếu;

Sau khi kết thúc bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu (trong quá trình kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu mời 02 đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp chứng kiến việc kiểm phiếu) và lập biên bản kiểm phiếu theo mẫu số 02 kèm theo Quy chế này. Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp. Biên bản kiểm phiếu được lập thành 03 bản và gửi kèm theo Quyết định của cộng đồng dân cư đến Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và lưu tại thôn, tổ dân phố;

đ) Người chủ trì cuộc họp công bố kết quả biểu quyết đối với việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Nếu không xác định được người trúng cử thì nêu rõ lý do không bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong biên bản cuộc họp để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc tổ chức bầu lại;

e) Người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố ra mắt cuộc họp;

g) Ngay sau khi cuộc họp kết thúc, người chủ trì cuộc họp có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ cuộc họp, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc

họp, quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua (theo mẫu số 03 kèm theo Quy chế này), gửi Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

4. Công nhận kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc quyết định bầu lại; trường hợp không ban hành quyết định công nhận hoặc quyết định bầu lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 8. Cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ, cụ thể:

1. Việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được quyết định tại cuộc họp của cộng đồng dân cư đối với các trường hợp:

a) Người xin thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố vì lý do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác theo nguyện vọng cá nhân có đơn gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nêu rõ lý do xin thôi;

b) Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét cho thôi trong trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố không còn được Nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã, các quy định của cấp trên, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc khi có ít nhất 50% tổng số hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị.

2. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố:

a) Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố triệu tập và chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư để cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đồng thời là Trưởng Ban công tác Mặt trận thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập và chủ trì cuộc họp sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã;

b) Trình tự tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

3. Công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân

phổ. Trường hợp không ban hành quyết định công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Trường hợp cuộc họp không thống nhất được việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Điều 9. Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình đối với việc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình đối với việc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố khi cuộc họp của cộng đồng dân cư bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mà không có đủ đại diện của số hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành theo quy định.

2. Trình tự phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình đối với việc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 19 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15 và Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ.

Điều 10. Chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời

Trong trường hợp thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố, hoặc trường hợp khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

Điều 11. Công nhận, cho thôi làm Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Công nhận Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố:

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố dự kiến danh sách người làm Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố; báo cáo cấp ủy chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất giới thiệu người làm Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố. Trên cơ sở thống nhất của chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định công nhận Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố. Trường hợp không ban hành quyết định công nhận Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cho thôi làm Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố:

Trường hợp người làm Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố vì lý do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác theo nguyện vọng cá nhân có đơn gửi Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nêu rõ lý do xin thôi hoặc không còn được Nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã, các quy định của cấp trên, vi phạm pháp luật nhưng

chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc khi có ít nhất 50% tổng số hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố báo cáo cấp ủy chỉ bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định cho thôi Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố. Trường hợp không ban hành quyết định cho thôi Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm vụ trong tổ chức, điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố:

a) Chủ trì hội nghị thôn, tổ dân phố; tổ chức hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Tổ chức đề cộng đồng dân cư bàn, quyết định các nội dung thuộc phạm vi Nhân dân bàn và quyết định; tổ chức đề Nhân dân tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi phải lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

b) Tổ chức thực hiện và theo dõi việc thực hiện các quyết định của cộng đồng dân cư đã được Nhân dân trong thôn, tổ dân phố thông qua; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện;

c) Tổ chức triển khai các hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật và hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố;

d) Phân công nhiệm vụ cho Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố;

đ) Phối hợp với Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức tự quản khác trong tổ chức các hoạt động của cộng đồng dân cư;

e) Đại diện cho thôn, tổ dân phố trong các quan hệ liên quan đến hoạt động của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật;

g) Báo cáo kết quả hoạt động của thôn, tổ dân phố trước hội nghị thôn, tổ dân phố theo định kỳ hằng năm hoặc khi cần thiết.

2. Nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và nhiệm vụ do chính quyền cấp xã giao:

a) Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; thực hiện dân chủ ở cơ sở và các phong trào, cuộc vận động tại địa bàn;

b) Nắm tình hình đời sống cộng đồng dân cư; tập hợp, phản ánh với chính quyền địa phương cấp xã các kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân; báo cáo kịp thời các vấn đề phát sinh tại địa bàn; tham gia hòa giải ở cơ sở, giữ gìn đoàn kết trong cộng đồng dân cư;

c) Vận động Nhân dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa và phát triển cộng đồng dân cư tại địa bàn;

d) Phối hợp với Ban công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức tự quản khác ở thôn, tổ dân phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc hỗ trợ triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương cấp xã tại địa bàn;

đ) Phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, Ban công tác Mặt trận và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức cho Nhân dân tham gia giám sát các công trình, dự án, các khoản đóng góp của Nhân dân và việc thực hiện dân chủ ở cơ sở tại địa bàn;

e) Tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, tổ chức phòng thủ dân sự và bảo đảm an ninh, trật tự tại địa bàn theo quy định của pháp luật;

g) Hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã trong thực hiện chuyển đổi số, cập nhật thông tin, dữ liệu phục vụ quản lý địa bàn; hướng dẫn, hỗ trợ Nhân dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số, tiện ích số và dịch vụ công trực tuyến phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và theo chỉ đạo, hướng dẫn của chính quyền địa phương cấp xã.

3. Quyền hạn:

a) Đại diện cho thôn, tổ dân phố trong các quan hệ liên quan đến hoạt động của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật; là người đại diện cho cộng đồng dân cư ký hợp đồng về xây dựng công trình do Nhân dân trong thôn, tổ dân phố đóng góp kinh phí và đã được hội nghị thôn, tổ dân phố thông qua;

b) Được mời tham gia các cuộc họp của chính quyền địa phương cấp xã liên quan đến việc triển khai các công việc liên quan trực tiếp đến cộng đồng dân cư;

c) Được phân công nhiệm vụ giải quyết công việc cho Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố;

d) Phân công nhiệm vụ giải quyết công việc cho người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố hỗ trợ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều này;

đ) Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và một số chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chịu sự quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, phân công nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã và quy định của pháp luật có liên quan.

Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố chịu sự quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, phân công nhiệm vụ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao; ưu tiên bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền, vận động Nhân dân, hòa giải ở cơ sở, tổ chức hoạt động cộng đồng dân cư; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, sử dụng nền tảng số, cập nhật dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu và hỗ trợ Nhân dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo quy định. Khi được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng thì được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được hưởng phụ cấp hằng tháng do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định; được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật.

Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố là người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được hưởng phụ cấp hằng tháng do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

4. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời được hưởng chế độ, chính sách như Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 14. Hoạt động của thôn, tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ, cụ thể:

1. Hoạt động tự quản của thôn, tổ dân phố:

Hoạt động tự quản của thôn, tổ dân phố do cộng đồng dân cư thảo luận, quyết định và tổ chức thực hiện trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật; hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; phong tục, tập quán, truyền thống và điều kiện thực tế của từng thôn, tổ dân phố, gồm:

a) Bàn và quyết định chủ trương, mức đóng góp của Nhân dân để xây dựng, sửa chữa, duy tu cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng phục vụ đời sống cộng đồng trong phạm vi thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện việc thu, chi và quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân trong cộng đồng dân cư ngoài các khoản đóng góp do pháp luật quy định; quản lý, sử dụng các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc tiếp nhận từ các nguồn tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác, bảo đảm công khai, minh bạch;

c) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt và tổ chức thực hiện;

d) Tổ chức các hoạt động tự quản trong cộng đồng dân cư bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phát huy các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp và truyền thống đoàn kết trong cộng đồng dân cư; bảo vệ môi trường; phòng, chống các tệ nạn xã hội; chăm lo sức khỏe cộng đồng; khuyến khích các hoạt động tương trợ, giúp đỡ nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; xây dựng đời sống văn hóa và phát triển cộng đồng;

đ) Tổ chức thực hiện việc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật;

e) Tham gia ý kiến đối với các nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của cộng đồng dân cư do chính quyền địa phương cấp xã lấy ý kiến theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

g) Biện pháp khuyến khích các hoạt động tự quản, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư; phát huy vai trò của các tổ chức tự quản, các tổ, nhóm cộng đồng trong việc xây dựng đời sống văn hóa, phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội tại địa bàn;

h) Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

2. Hoạt động phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã được thực hiện trên cơ sở hướng dẫn của chính quyền địa phương cấp xã; phù hợp với chức năng tự quản của cộng đồng dân cư, điều kiện thực tế và quy định của pháp luật, gồm:

a) Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các phong trào, cuộc vận động do cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phát động;

b) Tổng hợp, phản ánh ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị chính đáng của Nhân dân; tham gia trao đổi, phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã trong việc giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống cộng đồng dân cư tại địa bàn;

c) Hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã trong việc cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến cộng đồng dân cư tại địa bàn để phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp công khai thông tin, tạo điều kiện để Nhân dân tiếp cận thông tin, thực hiện thủ tục hành chính và dịch vụ công, các chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân;

đ) Tham gia, phối hợp thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và các hoạt động

cộng đồng khác trên cơ sở vận động, tạo sự đồng thuận của Nhân dân và phù hợp với điều kiện thực tế của địa bàn;

e) Hỗ trợ triển khai chuyển đổi số tại cộng đồng dân cư; tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ đời sống xã hội;

g) Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giữa Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với Ban công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức tự quản khác ở thôn, tổ dân phố nhằm bảo đảm sự phối hợp thống nhất, hiệu quả trong tổ chức và hoạt động tại địa bàn.

Điều 15. Hội nghị định kỳ của thôn, tổ dân phố

1. Hội nghị của cộng đồng dân cư được tổ chức định kỳ mỗi năm một lần vào cuối năm.

2. Công tác chuẩn bị tổ chức hội nghị định kỳ:

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố xây dựng Kế hoạch tổ chức hội nghị định kỳ;

b) Nội dung Kế hoạch tổ chức hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư gồm: Thời gian, địa điểm, nội dung hội nghị và tổ chức thực hiện;

c) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố, Trưởng ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường trực tiếp hoặc phân công thành viên chuẩn bị báo cáo trình bày tại hội nghị;

d) Kế hoạch tổ chức hội nghị định kỳ được gửi tới Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban Thanh tra nhân dân cấp xã để báo cáo, thống nhất trước khi thực hiện.

3. Trình tự tổ chức hội nghị định kỳ:

a) Triệu tập hội nghị định kỳ:

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thông báo triệu tập hội nghị định kỳ nêu rõ thời gian, địa điểm, nội dung tổ chức hội nghị định kỳ; thành phần triệu tập tham dự hội nghị;

Thành phần tham dự hội nghị định kỳ là đại diện các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố quyết định việc mời đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan tham dự hội nghị;

Thông báo triệu tập phải được gửi tới hộ gia đình chậm nhất 05 ngày trước ngày tổ chức hội nghị bằng văn bản hoặc qua hệ thống truyền thanh của thôn, tổ dân phố, qua mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật do thôn, tổ dân phố thống nhất thiết lập. Trường hợp cần thiết, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thông báo trực tiếp tới hộ gia đình.

b) Trình tự tổ chức hội nghị định kỳ:

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và nội dung hội nghị, giới thiệu thư ký hội nghị. Thư ký hội nghị có trách nhiệm ghi biên bản tại hội nghị;

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trình bày báo cáo về tình hình của thôn, tổ dân phố, kết quả thực hiện các nội dung đã được cộng đồng dân cư bàn và quyết định;

Đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố trình bày báo cáo, cung cấp thông tin về tình hình, kết quả thực hiện dân chủ ở thôn, tổ dân phố và trên địa bàn cấp xã;

Thành viên Ban Thanh tra nhân dân được bầu tại thôn, tổ dân phố trình bày báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, xem xét, xác minh theo kiến nghị của Nhân dân trên địa bàn;

Đại diện các hộ gia đình thảo luận, tham gia ý kiến, đề xuất, kiến nghị;

Thông tin, trao đổi, tiếp thu và giải trình ý kiến, đề xuất, kiến nghị của cộng đồng dân cư đối với các nội dung thuộc thẩm quyền;

Thông qua các nội dung được trình bày tại hội nghị;

Biểu dương cá nhân, hộ gia đình có thành tích trong việc thực hiện các hoạt động của cộng đồng dân cư;

Kết luận hội nghị;

Sau khi kết thúc hội nghị, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản kết quả hội nghị gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ tổng hợp, đánh giá, tham mưu sơ kết, tổng kết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Tham mưu bảo đảm nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố theo phân cấp ngân sách hiện hành; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý,

sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 18. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nội dung liên quan đến tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo, quản lý và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố.

2. Tổ chức thực hiện bầu, công nhận và cho thôi chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; công nhận và cho thôi giữ chức danh Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố.

3. Quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn theo quy định của pháp luật và Quy chế này; thực hiện các chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 20. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội

Tuyên truyền, vận động, giám sát việc thực hiện Quy chế; tham gia tạo sự đồng thuận xã hội trong quá trình thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; phát huy vai trò của Ban công tác Mặt trận trong việc dự kiến, giới thiệu nhân sự, phối hợp tổ chức cuộc họp cộng đồng dân cư, giám sát việc lấy ý kiến Nhân dân, tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân và việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Quy chế này và quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp những văn bản viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân các xã, phường phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

UBND XÃ, PHƯỜNG ..
THÔN, TỔ DÂN PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 202 ...

THÔNG BÁO/GIẤY MỜI

Trân trọng kính mời ông (bà):

Về việc

1. Thời gian, địa điểm

a) Thời gian:

b) Địa điểm:

2. Thành phần

a) Chủ trì:

b) Đại biểu tham dự:

3. Nội dung

4. Đầu mối liên hệ thông tin về cuộc họp:

5. Các tài liệu phục vụ cuộc họp (nếu có).

Thôn, tổ dân phố..... đề nghị ông
(bà) bố trí thời gian tham gia đầy đủ, đúng thành phần./.

Chủ trì cuộc họp
(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND XÃ, PHƯỜNG ..
THÔN, TỔ DÂN PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 202 ...

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
Về việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Hôm nay, vào hồi giờ phút,.... ngày tháng năm ..., tại
thôn, tổ dân phố... tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư về việc

Ban kiểm phiếu gồm các ông (bà) có tên sau:

1. Ông (bà) Tổ trưởng
2. Ông (bà) Thành viên
3. Ông (bà) Thành viên
4. Ông (bà) Thành viên
5. Ông (bà) Thành viên

Đại diện hộ gia đình chứng kiến việc kiểm phiếu gồm:

1. Ông (bà)
2. Ông (bà)

Kết quả kiểm phiếu như sau:

- Tổng số đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố: hộ.
- Số đại diện hộ gia đình có mặt tham gia bỏ phiếu: ... hộ, chiếm tỷ lệ ...%.
- Số hộ gia đình không có người đại diện tham dự: hộ, chiếm tỷ lệ ...%.
- Số phiếu phát ra: phiếu.
- Số phiếu thu về: phiếu.
- Số phiếu hợp lệ: phiếu.
- Số phiếu không hợp lệ: phiếu.

Kết quả cụ thể:

- Số phiếu biểu quyết đồng ý: phiếu, chiếm tỷ lệ%
- Số phiếu biểu quyết không đồng ý: phiếu, chiếm tỷ lệ%

- Các ý kiến khác (nếu có):

Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản, có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu và 02 người chứng kiến việc kiểm phiếu./.

TRƯỞNG BAN

KIỂM PHIẾU

(Ký và ghi rõ họ và tên)

CÁC THÀNH VIÊN

BAN KIỂM PHIẾU

(Ký và ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH CHỨNG KIẾN

CỦ TRI THỨ NHẤT

(Ký và ghi rõ họ và tên)

CỦ TRI THỨ HAI

(Ký và ghi rõ họ và tên)

UBND XÃ, PHƯỜNG ...
THÔN, TỔ DÂN PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 202...

NGHỊ QUYẾT/BIÊN BẢN CUỘC HỌP/BẢN GHI NHỚ/BẢN
THỎA THUẬN CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
Về việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Hôm nay, vào hồi... giờ phút, ngày tháng năm, tại
....., thôn, tổ dân phố... tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư về việc
.....

I. Thành phần tham dự

1. Chủ trì: Ông (bà) Chức vụ:
2. Thư ký: Ông (bà) Chức vụ:
3. Thành phần tham dự:
- Số hộ gia đình có đại diện tham dự cuộc họp:
- Số hộ gia đình không có người đại diện tham dự:

II. Nội dung cuộc họp

1.
2.

III. Ý kiến phát biểu, thảo luận

1.
2.

IV. Kết quả biểu quyết

1. Đối với hình thức biểu quyết bằng giơ tay:
 - Tổng số hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố
 - Số đại diện hộ gia đình có mặt tham gia biểu quyết:....., chiếm tỷ lệ%.
 - Số hộ gia đình không có người đại diện tham gia biểu quyết:..., chiếm tỷ lệ ...%.
 - Kết quả biểu quyết như sau:.....
 - (1)
 - (2)

2. Đối với hình thức biểu quyết bỏ phiếu kín:

- Tổng số hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố
- Số đại diện hộ gia đình có mặt tham gia biểu quyết:..., chiếm tỷ lệ%
- Số hộ gia đình không có người đại diện tham gia biểu quyết: .., chiếm tỷ lệ ..%.

- Số phiếu phát ra: phiếu.

- Số phiếu thu về: phiếu.

- Số phiếu hợp lệ: phiếu.

- Số phiếu không hợp lệ: phiếu.

Kết quả biểu quyết như sau:

(1)

(2)

V. Kết luận cuộc họp

Các nội dung cộng đồng dân cư quyết định

Cuộc họp kết thúc vào lúc giờ ...phút, ngày tháng năm, Nghị quyết/Biên bản cuộc họp/Bản ghi nhớ/Bản thỏa thuận cuộc họp của cộng đồng dân cư được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau.

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)